

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ  
QUỐC TẾ**

*(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC  
KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 14

Số: 158 /Deloitte-AUDHN[HCM]-RE

## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi:** Các cổ đông Công ty Cổ Phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



**Phạm Văn Thịnh**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0028/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Ngày 10 tháng 2 năm 2010  
Thành phố Hồ Chí Minh. CHXHCN Việt Nam

**Trần Thị Kim Khánh**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0395/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>138.312.060.127</b>	<b>94.879.074.664</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>111.974.112.465</b>	<b>72.376.607.525</b>
1. Tiền	111		7.328.717.465	50.376.607.525
2. Các khoản tương đương tiền	112		104.645.395.000	22.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>4.929.400.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	4.929.400.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>19.878.449.220</b>	<b>3.046.324.014</b>
1. Phải thu khách hàng	131		19.558.364.551	1.740.727.839
2. Trả trước cho người bán	132		211.067.200	369.075.000
3. Các khoản phải thu khác	135		109.017.469	936.521.175
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>5.821.507.590</b>	<b>6.917.132.426</b>
1. Hàng tồn kho	141		5.821.507.590	6.917.132.426
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>637.990.852</b>	<b>7.609.610.699</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		381.850.852	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	6.778.861.151
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		256.140.000	830.749.548
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>104.600.177.142</b>	<b>119.564.254.893</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>101.081.578.970</b>	<b>112.180.596.561</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>7</b>	100.838.645.370	112.180.596.561
- Nguyên giá	222		132.900.198.254	127.882.894.154
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.061.552.884)	(15.702.297.593)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>8</b>	242.933.600	-
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.518.598.172</b>	<b>7.383.658.332</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>9</b>	3.518.598.172	7.383.658.332
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>20</b>	<b>242.912.237.269</b>	<b>214.443.329.557</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 14 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị tính: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009		31/12/2008	
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>24.405.837.115</b>		<b>13.453.087.720</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>22.652.596.923</b>		<b>13.453.087.720</b>	
1. Phải trả người bán	312		8.476.818.313		3.679.974.459	
2. Người mua trả tiền trước	313		3.511.010.000		3.480.285.000	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	7.777.190.656		3.525.183.081	
4. Phải trả người lao động	315		2.712.727.936		1.983.608.614	
5. Chi phí phải trả	316		59.273.600		693.955.676	
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		115.576.418		90.080.890	
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.632.832.567		-	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>120.407.625</b>		<b>-</b>	
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		120.407.625		-	
<b>B. NGUỒN VỐN</b>	<b>400</b>		<b>218.506.400.154</b>		<b>200.990.241.837</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>11</b>	<b>218.506.400.154</b>		<b>200.990.241.837</b>	
1. Vốn điều lệ	411		184.051.000.000		184.000.000.000	
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		602.097.046		-	
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.173.922.567		-	
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.586.961.285		-	
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		26.092.419.256		16.990.241.837	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>242.912.237.269</b>		<b>214.443.329.557</b>	

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 14 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**MẪU SỐ B 02-DN**  
 Đơn vị tính: Đồng

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2009</b>	<b>2008</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		205.312.223.180	93.341.101.195
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		205.312.223.180	93.341.101.195
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		(157.680.196.882)	(66.122.447.648)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		47.632.026.298	27.218.653.547
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	12	6.855.199.281	3.941.746.335
7. Chi phí tài chính	22	13	(56.853.256)	(357.195.087)
8. Chi phí bán hàng	24		(1.725.690.541)	(771.284.841)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(10.872.374.139)	(8.304.251.580)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		41.832.307.643	21.727.668.374
11. Thu nhập khác	31		329.672.765	899.811.868
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		329.672.765	899.811.868
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		42.161.980.408	22.627.480.242
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	14	(7.412.996.570)	(5.637.238.405)
<b>16. Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>60</b>		<b>34.748.983.838</b>	<b>16.990.241.837</b>



Nguyễn Ngọc Anh  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 10 tháng 2 năm 2010

Nguyễn Thế Dân  
 Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**MẪU SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	2009	2008
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	42.161.980.407	22.627.480.242
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	16.359.255.291	15.702.297.593
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(314.061.283)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(6.712.735.906)	(3.506.049.390)
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	51.808.499.792	34.509.667.162
Tăng các khoản phải thu	09	(9.860.505.359)	(9.825.185.165)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	1.095.624.836	(6.917.132.426)
Tăng các khoản phải trả	11	5.114.913.449	10.628.814.951
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	3.865.060.160	(7.383.658.332)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.207.993.190)	(2.450.924.107)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.741.090.000)	(830.749.548)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	45.074.509.688	17.730.832.535
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(5.260.237.700)	(1.557.530.405)
3. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	-	(177.944.911.11)
4. Tiền thu hồi từ đầu tư ngắn hạn	24	4.929.400.000	173.015.511.111
5. Thu lãi tiền gửi	27	6.712.735.906	3.506.049.390
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.381.898.206	(2.980.881.015)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông	31	51.000.000	79.952.019.754
2. Tiền chi trả vốn góp cho cổ đông	32	-	(22.325.363.749)
3. Cổ tức đã trả	36	(12.512.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.461.000.000)	57.626.656.005
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	38.995.407.894	72.376.607.525
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	72.376.607.525	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	602.097.046	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	111.974.112.465	72.376.607.525



Nguyễn Ngọc Anh  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 10 tháng 2 năm 2010

Nguyễn Thế Dân  
 Kế toán trưởng

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

12 AB Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008857 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 12 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Các cổ đông sáng lập của Công ty bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí, Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí và Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty Khí.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 125 người (2008: 117 người).

#### Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển và cung cấp các dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC qui định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng phương pháp hạch toán chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC, lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 tăng 602.097.046 đồng và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 tăng một khoản tương ứng so với việc áp dụng theo VAS10.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất, khi giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. (nếu có). Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

3/2-C  
ANH  
TY  
HỮU H  
TTE  
NAM  
NỘI  
Ồ CH

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Năm**

Máy móc thiết bị	3
Phương tiện vận tải	7 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa văn phòng và sửa chữa tàu và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ hai đến năm năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận tương ứng với tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**12 AB Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	698.595.912	66.342.518
Tiền gửi ngân hàng	6.630.121.553	50.310.265.007
Các khoản tương đương tiền	104.645.395.000	22.000.000.000
	<u>111.974.112.465</u>	<u>72.376.607.525</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ với thời gian đáo hạn là 3 tháng hoặc ngắn hơn với mức lãi suất một năm từ 1,6% đến 3,5% cho đô la Mỹ và 10,5% cho đồng Việt Nam.

**6. HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho thể hiện giá trị nguyên vật liệu tồn tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc và thiết bị <u>VNĐ</u>	Thiết bị văn phòng <u>VNĐ</u>	Phương tiện vận tải <u>VNĐ</u>	Tổng <u>VNĐ</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 1/1/2009	67.800.000	266.529.492	127.548.564.662	127.882.894.154
Tăng trong năm	100.003.510	175.095.529	4.742.205.061	5.017.304.100
Tại ngày 31/12/2009	<u>167.803.510</u>	<u>441.625.021</u>	<u>132.290.769.723</u>	<u>132.900.198.254</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 1/1/2009	13.898.566	61.580.640	15.626.818.387	15.702.297.593
Khấu hao trong năm	41.784.157	87.585.431	16.229.885.703	16.359.255.291
Tại ngày 31/12/2009	<u>55.682.723</u>	<u>149.166.071</u>	<u>31.856.704.090</u>	<u>32.061.552.884</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/12/2009	<u>112.120.787</u>	<u>292.458.950</u>	<u>100.434.065.633</u>	<u>100.838.645.370</u>
Tại ngày 31/12/2008	<u>53.901.434</u>	<u>204.948.852</u>	<u>111.921.746.275</u>	<u>112.180.596.561</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**12 AB Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản thể hiện chi phí đăng kiểm phục vụ việc kiểm tra tình trạng thực tế tàu trước khi mua tàu.

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	2009 VNĐ	Từ ngày 24/12/2007 đến ngày 31/12/2008 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1/ngày 24 tháng 12	7.383.658.332	-
Tăng	199.365.889	10.288.141.530
Phân bổ vào chi phí trong năm	(4.064.426.049)	(2.904.483.198)
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>3.518.598.172</b>	<b>7.383.658.332</b>

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.412.996.570	3.207.993.191
Thuế thu nhập cá nhân	40.498.936	207.701.403
Các khoản khác	323.695.150	109.488.487
	<b>7.777.190.656</b>	<b>3.525.183.081</b>

**11. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2009		31/12/2008	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Cổ phiếu được phép phát hành	30.000.000	300.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ	18.405.100	184.051.000.000	18.400.000	184.000.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông sáng lập và cổ đông lớn tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đầu tư		Vốn đã góp	
	VNĐ	%	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	174.332.000.000	58	70.000.000.000	70.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	64.000.000.000	21	64.000.000.000	64.000.000.000
Cty TNHH một thành viên Tổng Công ty Khí	51.600.000.000	17	40.000.000.000	40.000.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VNĐ	Chênh lệch tỷ giá VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 12/12/2007	-	-	-	-	-	-
Vốn đã góp	184.000.000.000	-	-	-	16.990.241.837	184.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	16.990.241.837	16.990.241.837
<b>Số dư tại ngày 31/12/2008</b>	<b>184.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>16.990.241.837</b>	<b>200.990.241.837</b>
Vốn đã góp	51.000.000	-	-	-	-	51.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	34.748.983.838	34.748.983.838
Chênh lệch tỷ giá	-	602.097.046	-	-	-	602.097.046
Phân phối các quỹ	-	-	5.173.922.567	2.586.961.285	(7.760.883.852)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:	-	-	-	-	(5.373.922.567)	(5.373.922.567)
Có tức đã trả	-	-	-	-	(12.512.000.000)	(12.512.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2009</b>	<b>184.051.000.000</b>	<b>602.097.046</b>	<b>5.173.922.567</b>	<b>2.586.961.285</b>	<b>26.092.419.256</b>	<b>218.506.400.154</b>

Trong năm, Công ty đã trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2008 và 2009 với số tiền lần lượt là 5.373.922.567 đồng, 2.586.961.285 đồng, 5.173.922.568 đồng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 10 tháng 4 năm 2009.

Cũng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 10 tháng 4 năm 2009, Công ty công bố chia một phần lợi nhuận chưa phân phối năm 2008 của Công ty với số tiền là 12.512.000.000 đồng. Trong năm, số lợi nhuận trên đã được thanh toán cho các cổ đông.

**12. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2009 VNĐ	Từ ngày 24/12/2007 đến ngày 31/12/2008 VNĐ
Lãi tiền gửi	6.712.735.906	3.506.049.390
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	314.061.283
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	142.463.375	121.635.662
	<b>6.855.199.281</b>	<b>3.941.746.335</b>

**13. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Chi phí hoạt động tài chính thể hiện khoản lỗ từ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm.

**14. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	2009 VNĐ	Từ ngày 24/12/2007 đến ngày 31/12/2008 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	42.161.980.408	22.627.480.242
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	198.000.000	63.000.000
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>42.359.980.408</b>	<b>22.690.480.242</b>
Thuế suất	25%	28%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>10.589.995.102</b>	<b>6.353.334.468</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp miễn giảm	(3.176.998.532)	(716.096.063)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>7.412.996.570</b>	<b>5.637.238.405</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**12AB Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Theo Thông tư số 3/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009 hướng dẫn việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, Công ty thuộc đối tượng giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp trong cả năm 2009. Vì vậy, một khoản tiền 3.176.998.532 đồng đã được ghi giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm 2009 (2008: 716.096.063 đồng).

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

**15. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2009 VNĐ	Từ ngày 24/12/2007 đến ngày 31/12/2008 VNĐ
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	908.640.000	680.382.018
Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:		
	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Trong vòng một năm	908.640.000	908.640.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	908.640.000
	<u>908.640.000</u>	<u>1.817.280.000</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền Công ty phải trả cho việc thuê văn phòng từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**16. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2009 VNĐ	Từ ngày 24/12/2007 đến ngày 31/12/2008 VNĐ
<b>Nhận vốn góp</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	70.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	-	64.000.000.000
Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty Khí	-	40.000.000.000
<b>Doanh thu cho thuê tàu</b>		
Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty Khí	154.038.402.267	57.215.807.544
<b>Phí dịch vụ</b>		
PTSC Marine	-	13.229.928.76

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Thụ nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2009	Từ ngày 24/12/2007 đến ngày 31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lương	1.724.815.475	877.387.455
Tiền thưởng	328.800.000	166.666.000
	<u>2.053.615.475</u>	<u>1.044.053.455</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty Khí	<u>16.224.699.911</u>	<u>1.740.727.839</u>
<b>Các khoản phải trả</b>		
PTSC Marine	<u>-</u>	<u>555.642.743</u>

**17. CAM KẾT KHÁC**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Hội đồng Quản trị Công ty đã đề xuất dự án đầu tư mua hai tàu vận tải LPG với tổng mức đầu tư ước tính là 17.396.500 đô la Mỹ từ nguồn vốn cổ đông và vốn vay với tỷ lệ tương ứng là 30% và 70% giá trị đầu tư. Dự án này sẽ được Hội đồng Cổ đông xem xét và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

**18. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Khoản mục 'chênh lệch tỷ giá hối đoái' thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán không so sánh được với số liệu tương ứng năm trước do Công ty không áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán liên quan đến xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như trình bày tại Thuyết minh số 3.